

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Thủy sản; Chuyên ngành: Nuôi trồng Thủy sản

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: TRẦN NGUYỄN DUY KHOA

2. Ngày tháng năm sinh: 17/10/1988; Nam Nữ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Tiên Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): G22, Khu vực Yên Hạ, Phường Thường Thạnh, Quận Cái Răng, Thành Phố Cần Thơ

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa Khoa học và Công nghệ Biển, Trường Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ. Khu II, đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0911602927;

E-mail: tndkhoa@ctu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 11, năm 2010 đến tháng 11, năm 2012: Nghiên cứu viên tại Bộ môn Kỹ thuật nuôi Hải sản, Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ tháng 11 năm 2012 đến tháng 11 năm 2015: Học Thạc sĩ tại Đại học Malaysia Terengganu, Malaysia. Nghiên cứu viên tại Bộ môn Kỹ thuật nuôi Hải sản, Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ

Từ tháng 11 năm 2015 đến tháng 11 năm 2016: Nghiên cứu viên tại Bộ môn Kỹ thuật nuôi Hải sản, Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ

Từ tháng 12 năm 2016 đến tháng 9/2017: Giảng viên tại Bộ môn Kỹ thuật nuôi nước ngọt, Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ

Từ tháng 10 năm 2017 đến tháng 9 năm 2020: Học Tiến sĩ tại Đại học Kagoshima, Nhật Bản. Giảng viên tại Bộ môn Kỹ thuật nuôi Hải sản, Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ

Từ tháng 10 năm 2020 đến tháng 6 năm 2023: Giảng viên tại Bộ môn Kỹ thuật nuôi Hải sản, Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ

Từ tháng 7 năm 2023 đến nay: Giảng viên chính tại Khoa Khoa học và công nghệ Biển, Trường Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ

Chức vụ hiện nay: Bí thư Chi bộ, Bí thư Đoàn TNCSHCM Trường Thủy sản; Chức vụ cao nhất đã qua: Bí thư chi bộ

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Khoa học và Công nghệ Biển, Trường Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ

Địa chỉ cơ quan: Khu II, đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Điện thoại cơ quan: 0292- 3 834307

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 10 năm 2010; số văn bằng: 00161616 (4879/CQ.10); ngành: Nuôi trồng Thủy sản, chuyên ngành: Nuôi trồng Thủy sản; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 10 tháng 02 năm 2016; số văn bằng: 321267245; ngành: Nuôi trồng Thủy sản; chuyên ngành: Nuôi trồng Thủy sản; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Malaysia Terengganu, Malaysia.

- Được cấp bằng TS ngày 18 tháng 09 năm 2020; số văn bằng: 978; ngành: Thủy sản; chuyên ngành: Khoa học Thủy sản về nguồn lợi và môi trường; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Kagoshima, Nhật Bản

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Hội đồng 1-Trường Đại học Cần Thơ

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Chăn nuôi- Thú y-Thủy sản

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu đặc điểm sinh học, sinh sản và sản xuất giống các loài hải sản
- Nghiên cứu phát triển các quy trình sản xuất giống và nuôi hải sản bền vững
- Nghiên cứu quản lý dịch bệnh trên các loài hải sản.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 04 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (Hướng dẫn chính: 02 HVCH, Hướng dẫn phụ: 02 HVCH)
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 01 cấp Bộ Giáo Dục và Đào Tạo; 2 đề tài cấp cơ sở (cấp Trường Đại học Cần Thơ)
- Đã công bố 53 bài báo khoa học, trong đó có 23 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI/SCOPUS; 30 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước.
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 02 sách tham khảo, trong đó 02 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào Tạo (Giải Nhì Sinh viên Nghiên cứu khoa học toàn quốc năm 2010)
- Giải Thưởng Sáng Tạo Kỹ thuật Việt Nam (VIFOTEC 2010)

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: đủ tiêu chuẩn và hoàn thành tốt các nhiệm vụ nhà giáo

- Về tiêu chuẩn nhà giáo: Bản thân có phẩm chất, tư tưởng đạo đức tốt, luôn có ý thức phấn đấu, rèn luyện trong suốt quá trình công tác. Luôn trung thực, khách quan và có trách nhiệm cao đối với các nhiệm vụ được phân công. Trải qua thời gian phấn đấu, trao dồi năng lực chuyên môn từ khi bắt đầu làm việc tại Trường Đại học Cần Thơ với vai trò là nghiên cứu viên (năm 2010), tôi đã tích cực tham gia các dự án, đề tài nghiên cứu các cấp, đồng thời hỗ

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước trợ thầy cô trong đơn vị công việc giảng dạy cho sinh viên. Tôi đã được đề cử đi học tập nâng cao trình độ ở các bậc thạc sĩ (2012), tiến sĩ (2017) và chuyển ngạch lên giảng viên (2016). Sau khi tốt nghiệp tiến sĩ, tôi tiếp tục được bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ và khả năng sư phạm để đáp ứng đủ chuẩn nghề nghiệp giảng viên. Nhờ được đào tạo tốt về chuyên môn và được rèn luyện khả năng tự học nên bản thân luôn trao dồi, học hỏi, cập nhật kiến thức từ lý thuyết đến thực tiễn. Từ những công việc trong phòng thí nghiệm, trại thực nghiệm đến các trải nghiệm thực tế trong quá trình thực hiện các đề tài và dự án, bản thân đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm, qua đó có thể phục vụ tốt hơn trong công tác giảng dạy và nghiên cứu, chuyển giao công nghệ.

- Về nhiệm vụ nhà giáo: Bản thân thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nhiệm vụ của nhà giáo bao gồm việc giảng dạy, giáo dục theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục. Trên lớp, ngoài việc giảng dạy kiến thức chuyên môn, tôi cũng thường xuyên nhắc nhở các sinh viên về việc giữ gìn đạo đức, tác phong, học tập đi đôi với rèn luyện bản lĩnh xã hội để giúp các em có thể hòa nhập tốt hơn với công việc sau khi ra trường. Ngoài ra, bản thân luôn gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, điều lệ nhà trường và các quy tắc ứng xử của nhà giáo cũng như giữ gìn phẩm chất, uy tín và danh dự của nhà giáo. Song song đó, tôi cũng chú trọng việc tìm hiểu, đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp với từng học phần để người học dễ tiếp thu kiến thức và có khả năng tự học, tự cập nhật kiến thức.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 7 năm 7 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2018-2019	-	-	-	-	140	-	140/140/0
2	2019-2020	-	-	-	-	145	-	145/145/0
3	2020-2021	-	-	-	2	190.4	-	190.4/224.4/27
03 năm học cuối								
4	2021-2022	-	-	2	9	336.53	13.7	336.53/509.03/220
5	2022-2023	-	-	-	9	358.9	-	358.9/533.9/220
6	2023-2024	-	-	2	8	330	-	330/652.5/280

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước:

Bảo vệ Thạc sĩ tại Malaysia năm 2015

Bảo vệ Tiến sĩ tại Nhật Bản năm 2020.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Chương trình Nuôi trồng Thủy sản tiên tiến tại Trường Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/B SNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Lê Huỳnh Minh Tuấn		x	x		11/2021- 10/2021	Trường Đại học Cần Thơ	Ngày cấp bằng: 30/12/2022. Số hiệu: 0007328
2	Lê Phong Duy		x		x	11/2021 đến 10/2022	Trường Đại học Cần Thơ	Ngày cấp bằng: 30/12/2022 Số hiệu: 0007382
3	Hoàng Châu Lanh		x	x		05/2022 đến 05/2023	Trường Đại học Cần Thơ	Ngày cấp bằng: 23/06/2023 Số hiệu: 0007599
4	Namananimana Hermethy		x		x	04/2023 đến 01/2024	Trường Đại học Cần Thơ	Ngày cấp bằng: 26/02/2024 Số hiệu: 0008209

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Critical disease of mud crabs	TK	Universiti Terengganu Malaysia publishing house (Penerbit UMT) 2016	6	Viết chung		Giấy xác nhận số 2183/GXN-ĐHCT ngày 19/06/2024
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) siêu thâm canh ứng dụng công nghệ Biofloc	TK	NXB Nông nghiệp 2021	6	Viết chung		Giấy xác nhận số 2182/GXN-ĐHCT ngày 19/06/2024

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu sự phát triển các enzyme tiêu hóa thiết yếu trong giai đoạn ấu trùng và hậu ấu trùng của biển (<i>Scylla paramamosain</i>)	Chủ nhiệm	T2017-81 Cấp trường	01/2021⇒06/2023	Quyết định nghiệm thu số 3332/QĐ-ĐHCT ngày 09/08/2018. Biên bản nghiệm thu ngày 31/08/2018 Xếp loại: Khá
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu ảnh hưởng của quang phổ ánh sáng lên tăng trưởng, tỷ lệ sống và chất lượng của ấu trùng và giống tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>)	Chủ nhiệm	B2021-TCT-06 Cấp Bộ	01/2021⇒06/2023	QĐ số 587/QĐ-BGDDT ngày 20/02/2024. Biên bản nghiệm thu ngày 29/03/2024 Xếp loại: Đạt
2	Ảnh hưởng của quang phổ nhân tạo (đèn LED) lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của ấu trùng của biển (<i>Scylla paramamosain</i>)	Chủ nhiệm	T2021-125 Cấp trường	04/2021⇒09/2022	Quyết định nghiệm thu số 4020/QĐ-ĐHCT ngày 28/09/2022. Biên bản nghiệm thu ngày 30/09/2022 Xếp loại: Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Nghiên cứu sinh sản và ương nuôi của đồng hồ (<i>Somaniathelphusa germaini</i>).	3	x	Tạp chí khoa học - Đại học Cần Thơ ISSN:1859-2333			Số 17b(2011), 70-76	2011
2	Ảnh hưởng một số chế phẩm sinh học lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá giò (<i>Rachycentron canadum</i>) giai đoạn ương cá bột lên cá hương	4		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. ISSN 1859-4581.			Số 22, 75 – 81.	2012
3	Kết quả bước đầu trong ương nuôi ấu trùng tôm mũ ni với các chế độ cho ăn khác nhau.	3		Tạp chí Khoa học – Trường Đại học Cần Thơ, ISSN:1859-2333			Số 21b, 133-140.	2012
4	Ương ấu trùng cá bóp (<i>Rachycentron canadum</i>) với các loại thức ăn khác nhau.	4		Tạp chí Khoa học – Trường Đại học Cần Thơ, ISSN:1859-2333			Số 25, 43-49.	2013
5	Advances in seed production of Cobia (<i>Rachycentron canadum</i>) in the Mekong Delta of Viet Nam	6		International Fisheries Symposium – IFS2012 Agriculture Publishing House ISBN: 89352172123 92			(2013),84-90	2013
6	Ương cá giò (<i>Rachycentron canadum</i>) giống với các mật độ	4		Tạp chí Nông nghiệp và			Số 3+4, 168-172	2014

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	khác nhau trong hệ thống tuần hoàn.			Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581				
7	Sự chọn lựa thức ăn của cá đối đất (<i>Liza subviridis</i>) ở giai đoạn cá bột.	4		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581			Số 2, 87-94	2015
8	Development of mud crab crablet, the identification of ciliates and the bioefficacy of leaf extract of <i>Rhizophora apiculata</i> as anti- protozoal agent	6		Journal of Sustainability Science and Management ISSN: 1823-8556	SCOPUS SJR: 0.132 Q4	9	Volume 12 Number 2, December 2017: 52-62	2017
9	Aquaculture innovation system analysis of transition to sustainable intensification in shrimp farming DOI: 10.1007/s13593-018-0511-9	3		Agronomy for Sustainable Development ISSN: 1773-0155	ISI (SCIE) IF: 4.263 Q1	76	(2018) 38: 34	2018
10	Khảo sát đặc điểm các enzyme thủy phân protein ở các giai đoạn ấu trùng và hậu ấu trùng của biển (<i>Scylla paramamosain</i>)	6	x	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam ISSN 1859-0004			Tập 16(3): 215-222	2018
11	Ảnh hưởng của probiotic (<i>Bacillus subtilis</i>) lên chất lượng nước, tỉ lệ sống và hoạt tính enzyme tiêu hóa của ấu trùng của biển (<i>Scylla paramamosain</i>)	1	x	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ e-ISSN 2815-5599		2	Tập 54, Số chuyên đề: Thủy sản (2018)(1): 1-8	2018
12	Use of neem oil (<i>Azadirachta indica</i>) to control caligid copepod infestation on Asian seabass (<i>Lates calcarifer</i>)	4	x	Aquaculture Research ISSN:1365-2109	ISI (SCI) IF=1.748 Q2	12	2019;50:188 5–1892.	2019
13	Molecular characterization and gene expression of Glutathione Peroxidase 1 in <i>Tor tambroides</i> exposed to temperature stress	7		Evolutionary Bioinformatics ISSN: 1176-9343	ISI (SCI) IF=2.2 Q1	18	Volume 15: 1–8 (2019)	2019
14	Effect of alkalinity on fecundity of <i>Caligus minimus</i> parasitizing on seabass (<i>Lates calcarifer</i>) in laboratory condition	4	x	Journal of Sustainability Science and Management	SCOPUS SJR: 0.163 Q3		Volume 14 Number 2, April 2019	2019

				e-ISSN: 2672-7226				
15	The life cycle of <i>Caligus minimus</i> on Seabass (<i>Lates calcarifer</i>) from floating cage culture	4	x	Thalassas: An International Journal of Marine Sciences ISSN 2366-1674	ISI (SCIE) IF: 0.5 Q4	12	Volume 35, pages 77–85, (2019)	2019
16	Ontogenic development of digestive enzymes of Mud crab (<i>Scylla paramamosain</i>) during larval stages	5	x	Thalassas: An International Journal of Marine Sciences ISSN 2366-1674	ISI (SCIE) IF: 0.5 Q3	6	(2019) 35:655–661	2019
17	Effect of oil enrichment on <i>Brachionus plicatilis</i> rotifer and first feeding red sea bream (<i>Pagrus major</i>) and Japanese flounder (<i>Paralichthys olivaceus</i>)	10		Aquaculture ISSN: 1873-5622	ISI (SCIE) IF: 3.224 Q1	20	510 (2019) 73–83	2019
18	Nghiên cứu bổ sung nguồn carbon ở các giai đoạn khác nhau trong ương ấu trùng tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) bằng công nghệ biofloc	8		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ e-ISSN 2815-5599			Tập 55, Số 3B (2019): 141-148	2019
19	Early ontogenetic development, digestive enzymatic activity and gene expression in red sea bream (<i>Pagrus major</i>)	5	x	Aquaculture ISSN: 1873-5622	ISI (SCIE) IF: 3.224 Q1		512 (2019) 734283	2019
20	Development of mud crab breeding technology for conservation and communal livelihoods in the Setiu Wetlands, Terengganu, Malaysia	2	x	Asian Journal of Agriculture and Biology ISSN 2307-8553	SCOPUS SJR: 0.155 Q4	6	2019; Special Issue:11-16.	2019
21	Comparative study on early digestive enzyme activity and expression in red sea bream (<i>Pagrus major</i>) fed on live feed and micro-diet	5	x	Aquaculture ISSN: 1873-5622	ISI (SCIE) IF: 4.242 Q1	26	519 (2020) 734721	2020
22	Super-intensive culture of white leg shrimp (<i>Litopenaeus vannamei</i>) in outdoor biofloc systems with different sunlight exposure levels: Emphasis on	4	x	Aquaculture ISSN: 1873-5622	ISI (SCIE) IF: 4.242 Q1	58	Aquaculture 524 (2020) 735277	2020

	commercial applications							
23	Nursery of the black tiger shrimp <i>penaeus monodon</i> postlarvae in a biofloc system with different carbon sources	5		Oceanography & Fisheries. ISSN: 2476-0536		5	2020; 11(5): 555821, 77-83	2020
24	Đặc điểm sinh học sinh sản và mùa vụ sinh sản của tôm mũ ni (<i>Thenus orientalis</i>) tại đảo nam du, tỉnh kiên giang	7		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ e-ISSN 2815-5599			Tập 56, Số chuyên đề: Thủy sản (2020)(1): 207-217	04/2020
25	Ảnh hưởng của mật độ ương lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá nâu (<i>Scatophagus argus</i>) giống trong ao đất	6		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ e-ISSN 2815-5599			Tập 56, Số chuyên đề: Thủy sản (2020)(2): 87-93	04/2020
26	Nghiên cứu ương ấu trùng tôm chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) theo công nghệ biofloc với các nguồn carbon bổ sung khác nhau	4		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ e-ISSN 2815-5599			Tập 56, Số chuyên đề: Thủy sản (2020)(2): 29-36	04/2020
27	Đặc điểm sinh học sinh sản của cá lười trâu vảy to (<i>Cynoglossus arel</i>) ở vùng biển kiên giang	7		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ e-ISSN 2815-5599			Tập 56, Số chuyên đề: Thủy sản (2020)(1): 232-240	04/2020
28	Đặc điểm hình thái của cá lười trâu vảy to (<i>Cynoglossus arel</i>) ở vùng biển kiên giang	7		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ e-ISSN 2815-5599			Tập 56, Số chuyên đề: Thủy sản (2020)(1): 218-223	04/2020
29	Henneguya (Cnidaria: Myxosporae: Myxobolidae) infections of cultured barramundi, <i>Lates calcarifer</i> (Perciformes: Latidae) in an estuarine wetlands system of Malaysia: description of <i>Henneguya setiuensis</i> n. sp., <i>Henneguya voronini</i> n. sp. and <i>Henneguya calcarifer</i> n. sp.	9		Parasitology Research ISSN 1432-1955	ISI (SCIE) IF: 2.289 Q1	6	Volume 119, pages 85–96, (2020)	2020

II		Sau khi được công nhận PGS/TS						
30	Ảnh hưởng của chế độ cho ăn kháng thể lòng đỏ trứng gà lên đáp ứng miễn dịch và khả năng đề kháng bệnh của tôm thẻ chân trắng (<i>Penaeus vannamei</i>)	6		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ e-ISSN 2815-5599			Tập 56, Số 5B (2020): 193-200	10/2020
31	Changes in early digestive tract morphology, enzyme expression and activity of Kawakawa tuna (<i>Euthynnus affinis</i>)	10	x	Aquaculture ISSN: 1873-5622	ISI (SCIE) IF: 5.135 Q1	17	Aquaculture 530 (2021) 735935	2021
32	An integrative description of the digestive system morphology and function of Japanese flounder (<i>Paralichthys olivaceus</i>) during early ontogenetic development	5	x	Aquaculture ISSN: 1873-5622	ISI (SCIE) IF: 5.135 Q1	11	Aquaculture 531 (2021) 735855	2021
33	Ương giống tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) theo công nghệ biofloc ở các mật độ khác nhau	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam ISSN: 1859-1558			Số 07(128)/2021 118-124	07/2021
34	Effect of substituting fish oil with camelina oil on growth performance, fatty acid profile, digestibility, liver histology, and antioxidative status of red seabream (<i>Pagrus major</i>)	12		Animals eISSN 2076-2615	ISI (SCIE) IF: 3.73 Q1	3	Animals 2021, 11, 1990.	2021
35	Ảnh hưởng của độ mặn lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá chim vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i>) giai đoạn cá hương lên giống	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam ISSN: 1859-1558			Số 08(129)/2021	08/2021
36	Ảnh hưởng của thức ăn có hàm lượng protein khác nhau lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) giống ương bằng công nghệ biofloc	5		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam ISSN: 1859-1558			Số 10(131)/2021 124-129	10/2021

37	Ương cá chim vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i>) trong lồng với mật độ khác nhau ở xã hòn tre, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang	6		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam ISSN: 1859-1558			Số 10(131)/2021 119-124	10/2021
38	Effects of stocking density on performance of snubnose pompano juvenile (<i>Trachinotus blochii</i>) reared in recirculating system	5		Can Tho University Journal of Science ISSN 2588-1418			Vol. 13, Special issue on Aquaculture and Fisheries (2021): 30-36	2021
39	Effects of rotifer densities on larval performance of spotted scat (<i>Scatophagus argus</i>)	6		Can Tho University Journal of Science ISSN 2588-1418			Vol. 13, Special issue on Aquaculture and Fisheries (2021): 37-43	2021
40	Effects of carbohydrate addition time on a biofloc system for white leg shrimp (<i>Litopenaeus vannamei</i>) at larvae and post larvae stage	4	x	AACL Bioflux ISSN 1844-9166	SCOPUS SJR:0.257 Q3	1	Số 14(5):2929-2938.	2021
41	Effects of light intensity on growth and survival rate of freshwater prawn (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) at larvae and postlarvae stages in biofloc system	6		AACL Bioflux ISSN 1844-9166	SCOPUS SJR:0.257 Q3	7	Số 14(6):3556-3565.	2021
42	Enrichment effects of fermented by-product of Shochu distillery on <i>Brachionus plicatilis</i> sp. rotifer and larviculture performance in Japanese flounder (<i>Paralichthys olivaceus</i>)	10	x	Aquaculture ISSN: 1873-5622	ISI (SCIE) IF: 4.242 Q1	11	Aquaculture 535 (2021) 736352	2021
43	<i>Caligus coryphaenae</i> infection from the Osumi strait, Southern Japan: A new record on wild yellowtail (<i>Seriola quinqueradiata</i>)	2	x	Veterinary Parasitology: Regional Studies and Reports ISSN: 2405-9390	ISI (SCIE) IF: 1.4 Q1		Số 24 (2021) 100576	2021

44	Ảnh hưởng thời điểm bổ sung thức ăn tổng hợp lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá chim vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i>) giai đoạn giống	4		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ e-ISSN 2815-5599			Tập 58, Số 1B (2022): 205-212	02/2022
45	Ảnh hưởng của độ mặn lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá chim vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i>) giống ương trong hệ thống tuần hoàn	4		Tạp chí Khoa Học & Công Nghệ Nông nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm Huế ISSN 2588-1256			Tập 6(1)-2022:2791-2797	02/2022
46	Nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) kết hợp với cá nâu (<i>Scatophagus argus</i>) ở mật độ khác nhau theo công nghệ biofloc	5		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam ISSN: 1859-1558			Số 06(139)/2022: 110-116	07/2022
47	Effects of dietary protein and lipid levels on growth, feed utilization and body composition of juvenile snubnose pompano (<i>Trachinotus blochii</i>)	11		AACL Bioflux ISSN 1844-9166	SCOPUS SJR:0.238 Q3		Số 15(6):2840-2849.	2022
48	Effects of dietary protein and lipid levels on growth and feed utilization of spotted scat (<i>Scatophagus argus</i> (Linnaeus, 1766)) juveniles	11		AACL Bioflux ISSN 1844-9166	SCOPUS SJR:0.238 Q3		Số 16(3):1471-1482.	2023
49	Effects of supplementation substances on survival rate of <i>Lutreria rhynchaena</i> during transportation.	4		International Journal of Research and Scientific Innovation ISSN No. 2321-2705			Vol. 10(10), pages 276-281	2023
50	Ảnh hưởng của thức ăn lên tăng trưởng và tỉ lệ sống của ba khía (<i>Sesarma mederi</i>) giai đoạn ương giống	5		Tạp chí Khoa học trường Đại Học Trà Vinh eISSN:2815-6080			Tập 13, Số chuyên đề (2023), 37-42	2023

51	Ảnh hưởng của cường độ ánh sáng đèn led lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của tôm càng xanh ương bằng công nghệ biofloc	4	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam ISSN: 1859 - 1558		Số 02 (153) 2024, 89-96	2024
52	Ảnh hưởng của chu kì chiếu sáng bằng đèn led lên enzyme tiêu hóa, oxidative stress và phản ứng miễn dịch của ấu trùng tôm càng xanh	4	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam ISSN: 1859 - 1558		Số 03 (153) 2024, 78-85	2024
53	Screening antioxidant activity of seaweed extracts collected in the Vietnamese Mekong Delta for dietary supplementation of whiteleg shrimp <i>Litopenaeus vannamei</i>	7		Egyptian Journal of Aquatic Research ISSN: 2090-3278	ISI (SCIE) IF: 2.2 Q1	Volume 50, Issue 1, Pages 88-94	2024

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 05 bài (gồm các bài số thứ tự **31, 32, 40, 42** và **43**)

1. Trần Nguyễn Duy Khoa, Hirofumi Yamashita, Kentaro Nakajima, Oki Hayasaka, Viliame Waqalevu, Akinobu Honda, Tomonari Kotani, Kazuhiro Shiozaki, Manabu Ishikawa, Hideaki Matsui, 2021. Changes in early digestive tract morphology, enzyme expression and activity of kawakawa tuna (*Euthynnus affinis*). *Aquaculture* (530)735935. <https://doi.org/10.1016/j.aquaculture.2020.735935> (SCIE, IF: 5.135, Q1)

2. Trần Nguyễn Duy Khoa, Viliame Waqalevu, Akinobu Honda, Tomonari Kotani, Kazuhiro Shiozaki, 2021. An integrative description of the digestive system morphology and function of Japanese flounder (*Paralichthys olivaceus*) during early ontogenetic development. *Aquaculture* (531) 735855. <https://doi.org/10.1016/j.aquaculture.2020.735855> (SCIE, IF: 5.135, Q1)

3. Trần Nguyễn Duy Khoa, Trần Ngọc Hải, Châu Tài Tảo, Nguyễn Văn Hòa, 2021. Effects of carbohydrate addition time on a biofloc system for white leg shrimp (*Litopenaeus vannamei*) at larvae and post larvae stage. *AAFL Bioflux* (14) 2929-2938. (SCOPUS, Q3) <http://www.bioflux.com.ro/docs/2021.2929-2938.pdf>

4. Trần Nguyễn Duy Khoa, Viliame Waqalevu, Akinobu Honda, Hideaki Matsui, Nguyen Xuan Truong, Kenzo Sakaguchi, Hirofumi Kawaji, Manabu Ishikawa, Kazuhiro Shiozaki, Tomonari Kotani, 2021. Enrichment effects of fermented by-product of shochu distillery on *Brachionus plicatilis* sp. rotifer and larviculture performance in Japanese flounder (*Paralichthys olivaceus*). *Aquaculture* (535) 736352. <https://doi.org/10.1016/j.aquaculture.2021.736352> (SCIE, IF: 5.135, Q1)

5. Trần Nguyễn Duy Khoa, Faizah Shaharom Harrison, 2021. *Caligus coryphaenae* infection from the Osumi Strait, southern Japan: a new record on wild yellowtail (*Seriola quinqueradiata*). *Veterinary Parasitology: Regional Studies and Reports* (24) 100576. <https://doi.org/10.1016/j.vprsr.2021.100576> (SCIE, IF: 1.4, Q1)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Giờ giảng dạy

- + Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):
- + Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Năm học 2018-2019 (Giờ giảng dạy trên lớp 140 giờ/Giờ nghỉ vụ miễn 100%), năm học 2019-2020 (giờ giảng dạy trên lớp 145 giờ/Giờ nghỉ vụ miễn 100%).

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH/CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....
+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 06 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Nguyễn Duy Khoa